

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO1

Đà Nẵng , tháng 03 năm 2020

PHỤ LỤC SỐ 04

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO1

NĂM 2019

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát

+Tên giao dịch

+Vốn điều lệ/

+Vốn đầu tư của chủ sở hữu

+Địa chỉ

+Số điện thoại

+Số Fax

+Website

+Mã chứng khoán niêm yết

+Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO1 tiền thân là Công ty xây lắp điện 3.1 được thành lập theo quyết định số 158/2004/QĐ-BCN ngày 06/12/2004 của Bộ trưởng Bộ công nghiệp về việc chuyển Công ty xây lắp điện 3.1 thành Công ty cổ phần xây lắp điện 3.1. Ngày 20/03/2006, Công ty được đổi tên thành Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO1 theo quyết định số 54 QĐ/XLD3.1-HĐQT của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần xây lắp điện 3.1. Công ty được sở kế hoạch và đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 3203000512 lần thứ nhất vào ngày 31/12/2004, đăng ký thay đổi lần 6 ngày 25/11/2019.

+Niêm yết :

Công ty đã niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội ngày 04/09/2008.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh :

+Ngành nghề kinh doanh:

Xây lắp các công trình hệ thống lưới điện, trạm biến áp đến 500KV và các công trình nguồn điện, xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng, công trình giao thông, thủy lợi, viễn thông, văn hoá, thể thao, sân bay, bến cảng;

Sản xuất thiết bị, phụ kiện;

Khai thác và kinh doanh cát, đá, sỏi và các chủng loại vật liệu xây dựng khác;

Kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế mới;

Kinh doanh xuất nhập khẩu: Vật tư thiết bị điện, vật liệu xây dựng, thiết bị phương tiện vận tải, xe máy thi công, vận tải hàng hoá;

Sửa chữa xe máy thi công và phương tiện vận tải;

Chế tạo kết cấu thép, các sản phẩm cơ khí và mạ kẽm;

Sản xuất các sản phẩm bê tông;

Đầu tư nhà máy điện độc lập;

Sản xuất và kinh doanh điện;

+Địa bàn kinh doanh :

Trong năm tài chính, lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là xây lắp các công trình nguồn điện, hệ thống lưới điện, trạm biến áp điện trên khắp cả nước;

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

+Mô hình quản trị :

Hệ thống quản trị công ty được thực hiện theo phương pháp trực tuyến, chỉ đạo từ trên xuống dưới, theo định kỳ quy định của pháp luật Công ty tiến hành đại hội đồng cổ đông, đại hội bầu hội đồng quản trị và ban kiểm soát, hội đồng quản trị bầu chủ tịch HĐQT, Chủ tịch HĐQT đề cử Ban điều hành và thành lập các phòng ban công ty.

+Cơ cấu bộ máy quản lý :

Đại hội đồng cổ đông bầu Hội đồng quản trị, ban kiểm soát, HĐQT, BKS bầu chủ tịch HĐQT và Trưởng ban kiểm soát. Chủ tịch HĐQT đề cử Ban giám đốc điều hành công ty.

Công ty bao gồm các phòng ban công ty: Phòng TC-KT, Phòng KT-KH, Phòng KT-VT, Phòng TC-LĐ-HC, 06 đội sản xuất và 01 xưởng cơ khí.

Văn phòng công ty, các đội sản xuất và xưởng cơ khí đóng trụ sở tại thành phố Đà Nẵng.

+Các công ty con, công ty liên kết: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết).

4. Định hướng phát triển:

+Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Hàng năm Công ty phấn đấu đạt mức tăng trưởng bình quân trên 10%.

+Chiến lược phát triển trung và dài hạn: Công ty sẽ phát triển đa ngành, đa nghề, phát triển trong lĩnh vực văn hoá, du lịch, sản xuất công nghiệp, dân dụng,

đầu tư các nhà máy điện độc lập , sản xuất và kinh doanh điện , kinh doanh bất động sản, xây dựng cao ốc văn phòng cho thuê.

+Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường ,xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của công ty: Trên cơ sở phát triển đa ngành nghề trong các lĩnh vực văn hoá , xã hội, du lịch sản xuất công nghiệp ... công ty luôn đặt mục tiêu giữ vững trong sạch môi trường, thực hiện tốt các chỉ tiêu về chất lượng sản phẩm trong sản xuất công nghiệp cũng như trong đời sống văn hoá xã hội.

5.Các rủi ro:(Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của công ty , trong đó có rủi ro về môi trường):Tình hình kinh tế xã hội của đất nước có nhiều biến động , giá cả vật liệu ngày càng leo thang, công tác đấu thầu tìm kiếm việc làm diễn ra cạnh tranh khốc liệt , các loại vật liệu chính như xi măng, cát đá...thường ảnh hưởng đến môi trường nên giá cả tăng cao , có một số nơi khan hiếm loại vật liệu này.

II.TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM:

1.Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh :

+Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

TT	Chỉ tiêu	TH 2018	KH 2019	TH 2019	% so với TH 2018	% so với KH 2019
1	Doanh thu bán hàng& cung cấp DV	9 474 034 003	30.000.000.000	11 936 182 797	128%	40%
2	Các khoản giảm trừ doanh thu					
3	Doanh thu thuần về bán hàng & CC DV	9 474 034 003		11 936 182 797		
4	Giá vốn hàng bán	14 559 115 137		11 011 898 341		
5	LN góp về bán hàng & cung cấp DV	-5 085 081 134		924 284 456		
6	Doanh thu hoạt động tài chính	1 571 938 783		1 662 948 383		
7	Chi phí tài chính	9 143 004 347		-2 421 929 478		
8	Chi phí bán hàng					
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	6 651 074 262		1 829 027 687		
10	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	-19 307 220 960		3 180 134 630		
11	Thu nhập khác	249 960 568		157 217 784		
12	Chi phí khác	18 848 438		9 230 013		
13	Lợi nhuận khác	231 112 130		147 987 771		
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-19 076 108 830		3 328 122 401		
15	Chi phí thuế thu nhập hiện hành					
16	Chi phí thuế thu nhập hoãn lại					
17	Lợi nhuận sau thuế TNDN	-19 076 108 830	1.000.000.000	3 328 122 401		330%

+Những thay đổi chủ yếu trong năm (Những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp);

+Tình hình thực hiện so với kế hoạch:(So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề)

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2019 so với năm 2018 đạt 128% và chỉ đạt 40% so với kế hoạch. Điều đó khẳng định năm 2019 là năm cực kỳ khó khăn, các công trình đấu thầu không trúng, một số công trình trúng với giá không cao, một số công trình thi công bị vướng đê bù không triển khai được làm ảnh hưởng đến quá trình sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên kết quả SXKD đạt 330% so với kế hoạch do hoàn nhập giá trị cổ phiếu mà công ty đang nắm giữ.

2. Tổ chức và nhân sự:

+Danh sách ban điều hành (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Giám đốc, phó giám đốc, kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác)

Cơ cấu tổ chức của Công ty :

Cơ cấu tổ chức hiện nay của Công ty bao gồm 01 trụ sở chính, 06 đội sản xuất và 01 xưởng cơ khí

Trụ sở của Công ty : số 489 Nguyễn Lương Bằng, phường Hoà Hiệp Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Điện thoại :0236.3772001, 3772005, 3772006, 3772007

Fax :0236.3772006

Email :VNECO1@Gmail.com

Website :VNECO1.COM.VN

Các đội sản xuất và xưởng cơ khí có văn phòng tại 489 Nguyễn Lương Bằng, phường Hoà Hiệp Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong ban điều hành:

Ông :Đoàn Tuấn Anh

Giới tính : Nam

Năm sinh :18/11/1967

Nơi sinh :Quảng Hoà, Quảng Trạch, Quảng Bình

Quốc tịch :Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán :Quảng Hoà, Quảng Trạch, Quảng Bình

Địa chỉ thường trú :K32/25 Thanh Sơn, Hải Châu, TP Đà Nẵng

Số CMDN :201.547.294 do CA Đà Nẵng cấp ngày 12/10/2004

Tình độ văn hoá :10/10

Trình độ chuyên môn :Đại học kinh tế-ngành Tài Chính-Kế toán

Chức vụ hiện nay :Giám đốc Công ty

Ông :Phan Đức Vinh
Giới tính : Nam
Năm sinh :21/02/1962
Nơi sinh :Đức Sơn, Đức Thọ, Hà Tĩnh
Quốc tịch :Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Quê quán :Đức Sơn, Đức Thọ, Hà Tĩnh
Địa chỉ thường trú :43 Trần Cao Vân, Thanh Khê , Đà Nẵng
Số CMDN :201.441.445 do CA Đà Nẵng cấp ngày 04/01/2006
Tình độ văn hoá :10/10
Trình độ chuyên môn :Kỹ sư điện
Chức vụ hiện nay :P.Giám đốc Công ty

Ông :Võ Ngọc hải
Giới tính : Nam
Năm sinh :27/03/1979
Nơi sinh :Tiên Lộc, Tiên Phước, Quảng Nam
Quốc tịch :Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Quê quán : Tiên Lộc, Tiên Phước, Quảng Nam
Địa chỉ thường trú : Tiên Lộc, Tiên Phước, Quảng Nam
Số CMDN :205.849.746 do CA Quảng Nam cấp ngày 15/05/2011
Tình độ văn hoá :12/12
Trình độ chuyên môn :Kỹ sư điện
Chức vụ hiện nay :P.Giám đốc Công ty

+Những thay đổi trong ban điều hành:

+Số lượng cán bộ , nhân viên .Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

Quyền lợi của ban giám đốc :Tiền lương, thưởng và các quyền lợi khác của Ban giám đốc được thực hiện theo quy chế tiền lương của Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO1

Phân loại theo trình độ người lao động	31/12/2018 (người)	Tỷ lệ %	31/12/2019 (người)	Tỷ lệ %
Đại học và trên đại học	8	21,0	9	25
Cao đẳng	1	3,0	1	3
Trung cấp	6	16,0	3	8
Công nhân kỹ thuật	20	53,0	20	56
Lao động phổ thông	3	8,0	3	8
Tổng cộng	38	100	36	100

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a. Các khoản đầu tư lớn: Các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (Bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã thực hiện cam kết.

b. Các công ty con, công ty liên kết (tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết):

4. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	TH 2018	TH 2019	% so với TH 2018
Tổng giá trị tài sản	40 508 339 084	43 436 615 285	107%
Doanh thu thuần về bán hàng & CC DV	9 474 034 003	11 936 182 797	126%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	-19 307 220 960	3 180 134 630	
Lợi nhuận khác	231 112 130	147 987 771	64%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-19 076 108 830	3 328 122 401	
Lợi nhuận sau thuế TNDN	-19 076 108 830	3 328 122 401	
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

+ Các chỉ tiêu khác (tuỳ theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất):

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

CHỈ TIÊU	ĐVT	31/12/2018	31/12/2019	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	8,75	10,54	
Hệ số thanh toán nhanh (TSNH-HTK)/Nợ ngắn hạn	Lần	8,69	10,45	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Hệ số nợ/Tổng tài sản	Lần	0,10	0,09	
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,12	0,10	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Vòng quay hàng tồn kho (GV hàng bán/Hàng tồn kho)	Vòng	1,94	31,95	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,23	0,27	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
HS lợi nhuận sau thuế/DT thuần	%	(2,01)	28,00	
HS lợi nhuận sau thuế/VCSH	%	(0,53)	8,30	
HS lợi nhuận sau thuế/Tổng TS	%	(0,47)	7,60	
HS lợi nhuận từ HĐKD/DT thuần	%	(2,04)	26,64	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a. Cổ phần : Nêu tổng số cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài.

Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2019 : 60.000.000.000đ

Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp;

Tổng số cổ phiếu theo từng loại (CP thường, CP ưu đãi) : 6.000.000CP

Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại (trái phiếu có thể chuyển đổi, không thể chuyển đổi) : Không

Số lượng cổ phiếu PT đang lưu hành : 5.931.280CP

b. Cơ cấu cổ đông: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ) cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân, cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác.

Cổ đông trong nước nắm giữ : 919.561CP

Cổ đông ngoài nước nắm giữ : 1.848.839CP

Cổ đông tổ chức nắm giữ : 3.142.780CP

Cổ đông lớn nắm giữ :

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu : Nêu các đợt tăng vốn cổ phần trong năm bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ : Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch.

Cổ phiếu quỹ hiện tại : 68.720 CP

e. Các chứng khoán khác: Nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty :

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a. Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

b. Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu, được tái chế, được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức:

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

b. Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:

c. Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo) báo cáo kết quả của các sáng kiến này .

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

b. Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường :

a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

b. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

a. Số lượng người lao động : 36 người , trong đó lao động nữ : 4 người , mức lương trung bình đối với người lao động 6,75 triệu đồng /người.

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe , an toàn và phúc lợi của người lao động: Công ty thực hiện các chế độ đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế , bảo hiểm thất nghiệp đầy đủ cho người lao động , các loại bảo hiểm thân thể, trang bị bảo hộ lao động , thanh toán các khoản lương ốm, chế độ thai sản cho phụ nữ ...

c. Hoạt động đào tạo người lao động:

+ Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm , theo nhân viên và theo phân loại nhân viên:

+ Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp:

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

+ Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác , bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng:

Trong năm tài chính công ty hỗ trợ tài chính cho các tổ chức từ thiện như trung tâm chất độc gia cam ở Quảng Nam, hỗ trợ các cháu thiếu nhi trong các ngày lễ quốc tế thiếu nhi của phường, quận, hỗ trợ cho người nghèo, hội phụ nữ...

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC:

(Ban giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

TT	Chỉ tiêu	KH 2019	TH 2019	% so với KH 2019
1	Doanh thu bán hàng & cung cấp DV	30.000.000.000	11 936 182 797	40%
2	Các khoản giảm trừ doanh thu			
3	Doanh thu thuần về bán hàng & CC DV		11 936 182 797	
4	Giá vốn hàng bán		11 011 898 341	
5	LN gộp về bán hàng & cung cấp DV		924 284 456	
6	Doanh thu hoạt động tài chính		1 662 948 383	
7	Chi phí tài chính		-2 421 929 478	
8	Chi phí bán hàng			
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp		1 829 027 687	
10	Lợi nhuận thuần từ HĐKD		3 180 134 630	
11	Thu nhập khác		157 217 784	
12	Chi phí khác		9 230 013	
13	Lợi nhuận khác		147 987 771	
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		3 328 122 401	
15	Chi phí thuế thu nhập hiện hành			
16	Chi phí thuế thu nhập hoãn lại			
17	Lợi nhuận sau thuế TNDN	1.000.000.000	3 328 122 401	330%
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu			
19	Cổ tức trên một cổ phiếu			

Doanh thu 2019 đạt 12 tỷ, đạt 40% kế hoạch đặt ra. Kết quả chứng tỏ năm qua là năm cực kỳ khó khăn, khó khăn về tìm kiếm việc làm, đấu thầu cạnh tranh... tình hình nguyên vật liệu giá cả tăng cao, vay vốn với lãi suất cao, người lao động biến đổi liên tục.vv...Tuy nhiên lợi nhuận sau thuế đạt 330% kế hoạch đề ra do hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư.

2. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài sản:

TT	NỘI DUNG	01/01/ 2019	31/12/ 2019
	TÀI SẢN		
A	Tài sản ngắn hạn	36 652 630 656	39 341 748 297
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	20 665 012 387	20 331 377 376
II	Các khoản đầu tư TC ngắn hạn	11 594 011 760	14 018 210 860
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	4 162 581 511	4 647 448 062
IV	Hàng tồn kho	231 024 998	344 711 999
V	Tài sản ngắn hạn khác		
B	Tài sản dài hạn	3 855 708 428	4 094 866 988
I	Các khoản phải thu dài hạn		
II	Tài sản cố định	3 712 242 119	3 329 596 322
1	Tài sản cố định hữu hình	2 353 742 119	1 977 096 322
-	<i>Nguyên giá</i>	6 407 160 156	6 507 510 156
-	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	-4 053 418 037	-4 530 413 834
2	Tài sản cố định vô hình	1 358 500 000	1 380 000 000
3	Tài sản cố định thuê tài chính		
4	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
III	Bất động sản đầu tư		
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		
1	Đầu tư vào công ty con		
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		
3	Đầu tư dài hạn khác		
4	DP giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		
V	Tài sản dài hạn khác	143 466 309	165 270 666
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	40 508 339 084	43 436 615 285

Phân tích tình hình tài sản , biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu , tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:Giá trị tài sản trong năm tăng 3 tỷ, tương ứng với với lượng tiền và các khoản tương đương tiền và đầu tư tài chính tăng tương ứng .

b. Tình hình nợ phải trả:

TT	NỘI DUNG	01/01/ 2019	31/12/ 2019
	NGUỒN VỐN		
A	Nợ phải trả	4 190 509 665	3 790 663 465
I	Nợ ngắn hạn	4 190 509 665	3 790 663 465
II	Nợ dài hạn		
B	Vốn chủ sở hữu	36 317 829 419	39 645 951 820
I	Vốn chủ sở hữu	36 317 829 419	39 645 951 820
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	60 000 000 000	60 000 000 000
2	Thặng dư vốn cổ phần	111 973 829	111 973 829
3	Vốn khác của chủ sở hữu		
4	Cổ phiếu quỹ	- 436 450 000	- 436 450 000
5	Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
6	Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
7	Quỹ ĐT&PT		
8	Quỹ dự phòng tài chính		
9	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-23 357 694 410	-20 029 572 009
10	Nguồn vốn đầu tư XDCB		
II	Nguồn kinh phí và các quỹ		
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	40 508 339 084	43 436 615 285

+Tình hình nợ hiện tại , biến động lớn về các khoản nợ:

+Phân tích nợ xấu phải trả , ảnh hưởng chênh lệch của tỷ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty , ảnh hưởng chênh lệch lãi vay:Nợ phải trả trong năm giảm , chủ yếu là các khoản nợ của khách hàng, không có nợ xấu.Nguồn vốn trong năm tăng từ 40,5 tỷ lên 43,4 tỷ do hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi.

3.Những cải tiến về cơ cấu tổ chức , chính sách , quản lý

4.Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Căn cứ vào tình hình kinh tế trong nước và quốc tế, chiến lược phát triển của Công ty và kế hoạch triển khai các dự án , Công ty đặt ra mục tiêu đưa Công ty trở thành một tổ chức sản xuất kinh doanh đa ngành nghề với các lĩnh vực chủ yếu : Xây dựng điện , xây dựng công nghiệp và dân dụng, xuất nhập khẩu vật tư thiết bị điện, mở rộng phương tiện vận tải, xe máy thi công sản xuất và kinh doanh điện năng , đầu tư các nhà máy điện độc lập, đẩy mạnh đầu tư bất động sản , xây dựng cao ốc văn phòng cho thuê.

5.Giải trình của ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)-(trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần)

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty.

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội:

Trong năm Hội đồng quản trị đã có các cuộc họp để đánh giá về tình hình tài chính cũng như có những quyết định thay đổi quan trọng nhằm cải thiện tình hình thực tại của công ty. Các cuộc họp nhằm tìm kiếm việc làm, thu hút đầu tư và phát triển cho công ty gắn liền với phát triển môi trường và xã hội lành mạnh là ưu tiên hàng đầu trong các hoạt động chỉ đạo của Hội đồng quản trị.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của ban giám đốc công ty:

Hội đồng quản trị đã phân công các thành viên giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty và báo cáo kết quả trong năm.

3. Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị luôn đặt chiến lược phát triển công ty lâu dài và bền vững, gắn liền với sự phát triển bền vững về môi trường và xã hội.

Căn cứ vào tình hình kinh tế trong nước và quốc tế, chiến lược phát triển của Công ty và kế hoạch triển khai các dự án, Công ty đặt ra mục tiêu đưa Công ty trở thành một tổ chức sản xuất kinh doanh đa ngành nghề với các lĩnh vực chủ yếu: Xây dựng điện, xây dựng công nghiệp và dân dụng, xuất nhập khẩu vật tư thiết bị điện, mở rộng phương tiện vận tải, xe máy thi công sản xuất và kinh doanh điện năng, đầu tư các nhà máy điện độc lập, đẩy mạnh đầu tư bất động sản, xây dựng cao ốc văn phòng cho thuê.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị:

a. Thành viên và cơ cấu hội đồng quản trị (Danh sách thành viên hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác, số lượng chức

đanh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác).

Hội đồng quản trị có 07 thành viên :

Ông Hao Dan Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm ngày 28/10/2019)

Ông Đỗ Như Hiệp Chủ tịch HĐQT (bổ nhiệm ngày 28/10/2019)

Ông Cai Yu Hai Ủy viên

Bà Xu Xiu Li (Từ Tú Lệ) Ủy viên

Bà Nguyễn Thanh Tú Ủy viên

Bà Lưu Thị Thanh Thủy Ủy viên

Bà Nguyễn Thị Vân Anh Ủy viên

Tóm tắt lý lịch cá nhân của thành viên hội đồng quản trị

1. Ông : Đỗ Như Hiệp Chủ tịch HĐQT

Giới tính : Nam

Năm sinh : 1987

Nơi sinh : Thủy Triều, Thủy Nguyên, Hải Phòng

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Thủy Triều, Thủy Nguyên, Hải Phòng

Địa chỉ thường trú : Thủy Triều, Thủy Nguyên, Hải Phòng

Số CMDN : 031087007532

Tình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Đại học chuyên ngành cơ khí

Chức vụ hiện nay: Chủ tịch HĐQT

2. Ông Hao Dan Ủy viên

Giới tính : Nam

Năm sinh : 1974

Nơi sinh : Zhumadian City, tỉnh Hà Nam, Trung Quốc

Quốc tịch : Trung Quốc

Dân tộc : Hán

Quê quán : Huyện Tất Dương, Tỉnh Hà Nam, Trung Quốc

Địa chỉ thường trú : Thượng Hải, Trung Quốc

Số CMDN/Hộ chiếu: G43779922 do Tỉnh Hà Nam, Trung Quốc
cấp ngày 03/08/2010

Trình độ văn hoá : 10/10

Trình độ chuyên môn : Đại học ngành Tài chính

Chức vụ hiện nay : Ủy viên HĐQT

3. Ông Cai Yu Hai Ủy viên

Giới tính : Nam

Năm sinh : 1977

Nơi sinh : Huyện Tất Dương, Tỉnh Hà Nam, Trung Quốc

Quốc tịch : Trung Quốc
Dân tộc : Hán
Quê quán : Tỉnh Hà Nam, Trung Quốc
Địa chỉ thường trú : Thượng Hải, Trung Quốc
Số CMDN : E37603413 do Tỉnh Hà Nam, Trung Quốc
cấp ngày 15/10/2014

Tình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Đại học ngành CNTT

Chức vụ hiện nay :UV HĐQT

4. Bà Xu Xiu Li(Từ Tú Lệ) Ủy viên

Giới tính : Nữ

Năm sinh : 1982

Nơi sinh : Tỉnh Giang Tô, Trung Quốc

Quốc tịch : Trung Quốc

Dân tộc : Hán

Quê quán : Tỉnh Giang Tô, Trung Quốc

Địa chỉ thường trú : Thượng Hải, Trung Quốc

Số CMDN : E46766624 do Thượng Hải, Trung Quốc
cấp ngày 21/03/2015

Tình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Đại học Ngành Luật

Chức vụ hiện nay :UV HĐQT

5. Bà Nguyễn Thanh Tú Ủy viên

Giới tính : Nữ

Năm sinh : 1993

Nơi sinh : Tổ 9, phường An Hải Bắc, Q. Sơn Trà, TP Đà Nẵng

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Tổ 9, phường An Hải Bắc, Q. Sơn Trà, TP Đà Nẵng

Địa chỉ thường trú : 01/K5 Phạm Văn Đồng, Q. Sơn Trà, TP Đà Nẵng

Số CMDN : 201663907

Tình độ văn hoá :12/12

Trình độ chuyên môn : Đại học ngoại ngữ

Chức vụ hiện nay : Ủy viên HĐQT

6. Bà Lưu Thị Thanh Thủy Ủy viên

Giới tính : Nữ

Năm sinh : 1988

Nơi sinh : Tổ 14, phường Lĩnh Nam, Q. Hoàng Mai, TP Hà Nội

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Tổ 14, phường Lĩnh Nam, Q. Hoàng Mai, TP Hà Nội
 Địa chỉ thường trú : Tổ 14, phường Lĩnh Nam, Q. Hoàng Mai, TP Hà Nội
 Số CMDN : 001188006208
 Tình độ văn hoá : 12/12
 Trình độ chuyên môn : Đại học ngoại ngữ
 Chức vụ hiện nay : Ủy viên HĐQT
 7. Bà Nguyễn Thị Vân Anh Ủy viên
 Giới tính : Nữ
 Năm sinh : 1991
 Nơi sinh : Kỳ Trinh, Kỳ Anh, Hà Tĩnh
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Quê quán : Kỳ Trinh, Kỳ Anh, Hà Tĩnh
 Địa chỉ thường trú : Kỳ Trinh, Kỳ Anh, Hà Tĩnh
 Số CMDN : 183882315
 Tình độ văn hoá: 12/12
 Trình độ chuyên môn: Đại học Ngành Sư phạm Tiếng Anh
 Chức vụ hiện nay: UV HĐQT

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu 01/01/2019		Số cổ phiếu sở hữu 31/12/2019	
			Số CP	Tỷ lệ	Số CP	Tỷ lệ
1	Ông Đỗ Như Hiệp	CT HĐQT			81.630	1,36
2	Ông Cai Yu Hai	UV HĐQT			0	0
3	Bà Xu Xiu Li(Từ Tú Lệ)	UV HĐQT			333.100	5,55
4	Bà Nguyễn Thanh Tú	UV HĐQT			0	0
5	Bà Lưu Thị Thanh Thủy	UV HĐQT			0	0
6	Bà Nguyễn Thị Vân Anh	UV HĐQT			0	0
7	Ông Hao Dan	UV HĐQT			889.300	14,82

b. Các tiểu ban thuộc hội đồng quản trị: (Liệt kê các tiểu ban thuộc hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban)

Ban công bố thông tin : Bà Nguyễn Thị Vân Anh làm trưởng ban.

Định kỳ hàng tháng, quý, 6 tháng, năm đều thực hiện tốt các công bố thông tin của công ty, thực hiện đúng các quy định của Ủy ban chứng khoán nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Về ban kiểm soát:

Ông :Deng Fu Guo Trưởng ban

Ông : Võ Ngọc Hải Thành viên

Ông : Nguyễn Văn Đài Thành viên

Hàng quý, 6 tháng, năm đều kiểm tra các chức trách hoạt động của Công ty và báo cáo trong các kỳ họp Hội đồng quản trị Công ty.

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị : (Đánh giá hoạt động của hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp hội đồng quản trị, nội dung và kết quả các cuộc họp).

Trong nhiệm kỳ hội đồng quản trị đã có 7 cuộc họp, cụ thể:

+ Họp ngày 15/01/2019 thống nhất Nghị quyết:

Họp thông qua việc thay đổi người được Ủy quyền Công bố thông tin của Công ty Cổ phần xây dựng điện Vneco 1, cụ thể Bà Nguyễn Thị Vân Anh thay thế Bà Mai Kim Huệ đảm nhiệm công bố thông tin.

+ Họp ngày 25/01/2019 thống nhất Nghị quyết:

Họp thông qua việc chốt danh sách cổ đông để tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2019, và một số việc liên quan đến nội dung cuộc họp.

+ Họp ngày 21/02/2019 thống nhất Nghị quyết:

Thông qua nghị quyết chốt ngày Đại hội cổ đông thường niên năm 2019, thống nhất nội dung sửa đổi, bổ sung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên.

+ Họp ngày 17/05/2019 thống nhất Nghị quyết:

Thông qua nghị quyết lựa chọn công ty kiểm toán và định giá Việt nam kiểm toán báo cáo tài chính 6 tháng và cả năm 2019 cho Công ty.

+ Họp ngày 17/06/2019:

Họp về việc chốt danh sách cổ đông của Đại hội đồng cổ đông bất thường vào ngày 22/7/2019 để thay thế thành viên HĐQT.

+ Họp ngày 03/07/2019:

Họp về việc chốt ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2019.

+ Họp ngày 28/10/2019:

Về việc miễn nhiệm chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị đối với ông Hao Dan và bầu Chủ tịch HĐQT mới là ông Đỗ Như Hiệp

d.Hoạt động của thành viên hội đồng quản trị độc lập.Hoạt động của các tiểu ban trong hội đồng quản trị (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc hội đồng quản trị , nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban , nội dung và kết quả của các cuộc họp).

e.Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty .Danh sách các thành viên hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

2.Ban kiểm soát:

a.Thành viên và cơ cấu của ban kiểm soát (danh sách thành viên ban kiểm soát , tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành)

Ban kiểm soát:

Ông : Deng Fu Guo

Trưởng ban

Ông : Võ Ngọc Hải

Thành viên

Ông : Nguyễn Văn Đài

Thành viên

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu 01/01/2019		Số cổ phiếu sở hữu 31/12/2019	
			Số CP	Tỷ lệ	Số CP	Tỷ lệ
1	Deng Fu Guo	TB KS	0	0	0	0
2	Võ Ngọc Hải	TV BKS	3.010		3.010	0.05
3	Nguyễn Văn Đài	TV KS	0	0	0	0

b.Hoạt động của ban kiểm soát(đánh giá hoạt động của ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của ban kiểm soát, nội dung và kết quả của cuộc họp).

Hàng quý, 6 tháng, cả năm đều kiểm tra các chức trách hoạt động của Công ty và báo cáo trong các kỳ họp Hội đồng quản trị Công ty.

3.Các giao dịch , thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị , ban giám đốc và ban kiểm soát .

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích (Lương, thưởng, thù lao các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên ban kiểm soát, giám đốc hoặc tổng giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hoá bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ).

Thù lao và các lợi ích khác, chi phí cho các thành viên Hội đồng quản trị và thành viên ban kiểm soát:

Thù lao HĐQT, ban kiểm soát	
Chủ tịch HĐQT	:3.000.000đ/tháng
Ủy viên HĐQT	:1.500.000đ/tháng
Trưởng ban kiểm soát	:1.500.000đ/tháng
Thành viên ban kiểm soát	:1.000.000đ/tháng

Do tình hình khó khăn của Công ty, thù lao của chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT và trưởng ban kiểm soát có quốc tịch Trung Quốc không nhận khoản thù lao nào trong năm tài chính.

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên HĐQT, thành viên ban kiểm soát, Giám đốc, Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên)

c. Hợp đồng giao dịch với cổ đông nội bộ (thông tin về hợp đồng, giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên hội đồng quản trị, thành viên ban kiểm soát. (Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên.

d. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả hoạt động quản trị công ty).

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. ý kiến kiểm toán:

Đơn vị kiểm toán độc lập:

Công ty TNHH kiểm toán và định giá Việt Nam.

ý kiến kiểm toán độc lập:

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO1 được lập ngày 24/02/2020 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày

31/12/2019, báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh , báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính .

Ban giám đốc công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà ban giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của chúng tôi.

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam .Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp , lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính .Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên , bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn .Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này , kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế , tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty .Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Công ty ghi nhận chi phí tiền lương của quý 4/2018 với giá trị 470,979,269 đồng vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của năm 2019.Nếu khoản chi phí tiền lương nêu trên được Công ty ghi nhận đúng kỳ thì trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh chỉ tiêu chi phí trong năm sẽ giảm đi với giá trị là 470,979,269 đồng và lợi nhuận kế toán trước thuế sẽ tăng lên với giá trị tương ứng 470,979,269 đồng .

Trong năm Công ty cho các cá nhân là thành viên hội đồng quản trị vay với giá trị 2,920,000,000 đồng không thông qua hội đồng cổ đông là chưa tuân thủ quy định tại nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

Theo ý kiến của chúng tôi ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý , trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày ,

phù hợp với chuẩn mực kế toán , chế độ kế toán doanh nghiệp Việt nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các nhận xét đặc biệt (Thư quản lý) :Không

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán : Báo cáo tài chính năm được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán , báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh , báo cáo lưu chuyển tiền tệ , bảng thuyết minh báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán .(Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập báo cáo tài chính hợp nhất hoặc báo cáo tài chính tổng hợp thì báo cáo tài chính trình bày trong báo cáo thường niên là báo cáo tài chính hợp nhất đồng thời nêu địa chỉ công bố , cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc báo cáo tài chính tổng hợp hoặc báo cáo tài chính của đơn vị kế toán cấp trên).

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán được thể hiện các mục trên và được gửi bản gốc kèm theo.

Thành phố Đà Nẵng, ngày 24 tháng 03 năm 2020

GIÁM ĐỐC CÔNG TY



Đoàn Tuấn Anh